

Bản án số: **192/2020/KDTM-PT**

Ngày 06/10/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
giao nhận thầu khoán xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/8, 22, 29/9 và 06/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 88/2019/TLPT-KDTM ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao nhận thầu khoán xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 466/2019/QĐ-PT ngày 04/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 483/2019/QĐ-PT ngày 14/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 490/2019/QĐ-PT ngày 27/11/2019; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 248/2020/TB-TA ngày 18/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2020/QĐ-PT ngày 16/6/2020; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 386/2020/TB-TA ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty P

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, xã P, huyện N, tỉnh Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông P.J.K – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà T.T.N.L; có mặt
2. Bà B.T.V.H; có mặt
3. Bà P.T.L.H; có mặt
4. Ông N.T.C; có mặt
5. Ông N.N.T; có mặt
6. Ông N.T.K; vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông T.A.T; có mặt
2. Bà V.H.N; có mặt

Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật V, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội;

-Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: Số X phố C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà T.M.H – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông N.T.Đ– Phó Tổng giám đốc; có mặt
2. Bà N.T.H – Cán bộ pháp chế; có mặt
3. Ông L.H.B – Kế toán trưởng; có mặt
4. Bà P.T.Y – Phó Trưởng Ban quản lý dự án X; có mặt
5. Ông N.D.K – Phó Trưởng phòng quản lý các dự án; có mặt
6. Ông H.Đ.Đ – Phó Ban quản lý dự án X; có mặt
7. Ông L.H.D– Cán bộ Ban quản lý dự án X; có mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Công ty cổ phần T

Địa chỉ: Số A phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Số B Đ, khu T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N.V.C - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L.M.H - Trưởng phòng tổ chức nhân sự; vắng mặt

+Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ

Địa chỉ: Số Y đường G, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông N.V.K - Giám đốc; vắng mặt

-Người làm chứng:

+Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H

Địa chỉ: Số N đường V, Phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông L.V.H - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P.V.A - Trưởng phòng pháp chế;
vắng mặt

+Công ty TNHH Đầu tư phát triển C

Địa chỉ: Số C, phố L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T.Q.T - Giám đốc; vắng mặt

+Công ty TNHH X

Địa chỉ: Số N liền kề M khu đô thị V, phường L, quận H, thành phố Hà
Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông N.Q.T- Giám đốc; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của
nguyên đơn trình bày:***

Ngày 18/10/2012, Công ty P (là Nhà thầu) và Công ty C (là Chủ đầu tư) ký kết Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT (gọi tắt là Hợp đồng 10) về gói thầu thi công móng và tầng hầm công trình Trung tâm thương mại - Văn phòng – Căn hộ cao cấp để bán và cho thuê tại địa chỉ số X, đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị Hợp Đồng 10 là 255.566.569.500 đồng, đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Tiến độ thực hiện 480 ngày kể từ ngày 15/9/2012 (không bao gồm thời gian nghỉ lễ theo quy định).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng 10, khối lượng công việc đã thay đổi và Chủ đầu tư đã nhiều lần thay đổi thiết kế dẫn đến khối lượng công việc mà Nhà thầu phải thực hiện phát sinh tăng thêm ngoài khối lượng công việc đã nêu trong Hợp Đồng 10 với giá trị là 3.913.360.875 đồng Việt Nam đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

Ngày 01/03/2014, Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký Biên bản họp chuẩn bị bàn giao gói thầu Hợp Đồng 10, theo đó, các bên xác nhận “Các công tác chính

đã được thi công xong khối lượng, đạt tiến độ nhà thầu đệ trình ngày 01/03/2014”.

Dù các công tác chính trong hạng mục công trình đã được xác nhận hoàn thành theo Biên bản ngày 01/03/2014 và Nhà thầu đã gửi thư nhắc nhở nhiều lần nhưng Chủ đầu tư vẫn không tiến hành ký kết, xác nhận các hồ sơ, tài liệu cần thiết, không nghiệm thu, không thanh toán và cho rằng Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ hạng mục công trình của Hợp đồng 10.

Ngày 12/03/2014, Công ty P (là Nhà thầu) và Công ty C (là Chủ đầu tư) đã ký kết Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT/C-P (gọi tắt là Hợp đồng 12) về gói thầu thi công khối đế, ngày 15/03/2014, hai bên đã ký kết Phụ lục hợp đồng số 02 để triển khai việc thi công 09 tầng khối đế có độ cao từ cos 0,00 m đến cos 47,40 m lên trên hạng mục công trình của Hợp Đồng 10.

Tổng giá trị Hợp Đồng 12 là 160.930.000.000 đồng, đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Do thay đổi thiết kế theo đề nghị của Chủ đầu tư dẫn tới việc điều chỉnh giá trị hợp đồng. Ngày 20/6/2014, Nhà thầu đã gửi công văn cho Chủ đầu tư về việc điều chỉnh tổng giá trị Hợp Đồng 12 xuống còn 122.035.653.867 đồng đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Tiến độ thực hiện: 167 ngày kể từ ngày 15/03/2014 (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định).

Nhà thầu đã tiếp tục thi công Hợp Đồng 12, nhưng trong quá trình thực hiện khối lượng công việc đã thay đổi và Chủ đầu tư đã 40 lần thay đổi thiết kế dẫn đến khối lượng công việc mà Nhà thầu phải thực hiện phát sinh tăng thêm ngoài khối lượng công việc đã nêu trong Hợp Đồng 12 với giá trị là 3.551.749.698 đồng đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

Ngày 16/10/2014, Công ty P và Công ty C đã ký Biên bản bàn giao thép chờ tầng 9 tháp A thuộc gói thầu Hợp Đồng 12 và ngày 17/10/2014 đã ký Biên bản bàn giao thép chờ tầng 9 tháp B thuộc gói thầu Hợp Đồng 12, đồng thời tiến hành bàn giao mặt bằng thép chờ tầng 9 cos 47,40m tháp A, tháp B cho Công ty cổ phần Xây dựng và kinh doanh địa ốc H (nay là Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H) - nhà thầu thi công phần thân của Dự án trực tiếp lên trên phần Hợp Đồng 12 để tiếp tục thi công.

Ngày 02/12/2014, Công ty P và Công ty C đã ký Biên bản hợp, kiểm tra, đánh giá công trường về việc hoàn thành thi công gói thầu Hợp Đồng 12, theo đó các bên xác nhận “các cấu kiện chính bê tông cốt thép cột, vách, dầm, sàn của gói thầu phần khối đế đã hoàn thành đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo hồ sơ thiết kế và tiêu chí kỹ thuật của dự án”.

Dù các công tác chính trong hạng mục công trình đã được xác nhận hoàn thành theo Biên bản ngày 02/12/2014 và Nhà thầu đã gửi thư nhắc nhở nhiều lần nhưng Chủ đầu tư vẫn không tiến hành ký kết xác nhận các hồ sơ, tài liệu cần thiết, không nghiệm thu, không thanh toán và cho rằng Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ hạng mục công trình Hợp đồng 12.

Ngày 05/11/2014, Công ty P và Công ty C ký biên bản về việc giải quyết các vấn đề tồn tại trong đó, Nhà thầu đã yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán theo từng hạng mục mà Nhà thầu hoàn thành và đã được Chủ đầu tư đồng ý. Tuy nhiên, sau đó Chủ đầu tư vẫn từ chối thực hiện nghĩa vụ thanh toán dù đã được Nhà thầu nhiều lần yêu cầu. Chủ đầu tư đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình Hợp Đồng 10 và 12 và nghĩa vụ thanh toán.

Công ty P yêu cầu cụ thể: Công ty C xác nhận thời điểm nghiệm thu bàn giao đối với các gói thầu:

- Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P ngày 18/10/2012 về gói thầu thi công móng và tầng hầm. Ngày nghiệm thu bàn giao là ngày 01/3/2014.

- Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT ngày 12/3/2014 về gói thầu thi công khối đế. Ngày nghiệm thu bàn giao là 02/12/2014.

Yêu cầu Công ty C thanh toán trả 119.270.490.163 đồng tạm tính đến ngày 28/3/2018, đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng của hai hợp đồng nêu trên, trong đó:

- Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P ngày 18/10/2012 là 71.281.284.537 đồng.

- Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT/C-P ngày 12/3/2014 là 47.989.205.627 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Xác nhận ngày 18/10/2012, Công ty P (là Nhà thầu) và Công ty C (là Chủ đầu tư) ký kết Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P (gọi tắt là Hợp đồng 10) về gói thầu thi công móng và tầng hầm đến cos 0,00 mét của công trình Trung tâm thương mại - Văn phòng – Căn hộ cao cấp để bán và cho thuê tại địa chỉ số X, đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị Hợp Đồng 10 là 255.566.569.500 đồng, đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Tổng tiến độ thực hiện 480 ngày kể từ ngày 15/9/2012 kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật (không bao gồm ngày nghỉ lễ theo quy

định). Yêu cầu chất lượng xây dựng theo thiết kế và nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ – CP ngày 16/12/2004 và Nghị định số 49/2008 và các tiêu chuẩn TCXDVN 371:2006 về nghiệm thu chất lượng thi công công trình xây dựng.

Xác nhận ngày 12/3/2014, Công ty P (là Nhà thầu) và Công ty C (là Chủ đầu tư) tiếp tục ký kết hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03 – 2014/HĐGNT về việc giao thầu thi công gói thầu thi công 9 tầng khối đế từ cos 0,00 mét đến cos 47,40 mét của công trình Trung tâm Thương mại – Văn phòng – Căn hộ để bán và cho thuê, địa điểm xây dựng tại số X, đường C, phường D, quận C, Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng gói thầu: 160.930.000.000 đồng Việt Nam; tạm ứng và thanh toán theo quy định cụ thể tại Điều 8 của Hợp đồng 12. Tổng tiến độ thực hiện là 150 ngày kể từ ngày 15/03/2014 kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Chính phủ. Yêu cầu chất lượng xây dựng theo thiết kế và nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ – CP ngày 06/02/2013 và các quy định có liên quan trong lĩnh vực xây dựng được thống nhất quy định cụ thể tại Điều 6 và Điều 23 của Hợp đồng 12.

Xác nhận Công ty P bắt đầu thực hiện Hợp đồng 10 thi công hạng mục móng và tầng hầm từ ngày 15/09/2012. Về chất lượng thi công xây dựng có các lỗi như sau:

- Bể nước sinh hoạt bị nứt, thấm.
- Sàn bê tông tầng hầm bị nứt.
- Không đục bê tông đảm bảo các lỗ mở thi công tầng hầm.
- Đến ngày 15/5/2015 vẫn không thực hiện nghĩa vụ sửa chữa, khắc phục các lỗi thi công của hạng mục.

Công ty P thực hiện hoàn thành tiến độ thi công nhưng không thực hiện nghĩa vụ lập hồ sơ, các tài liệu cần thiết theo quy định tại Điều 6 và Điều 8 Hợp đồng 10 nộp cho Công ty C để yêu cầu thành lập Hội đồng nghiệm thu có đủ thành phần theo quy định trong hợp đồng để tiến hành nghiệm thu công trình xây dựng. Đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ lập Quyết toán công trình theo quy định tại Điều 23 Hợp đồng 10. Do vậy, Công ty C không đủ cơ sở để thực hiện thanh toán hết giá trị xây dựng đã hoàn thành cho Công ty P được.

Xác nhận Công ty P bắt đầu thực hiện thi công gói thầu Hợp đồng 12 kể từ ngày 15/3/2014 đến ngày 15/10/2014. Sau khi giảm trừ 27 ngày chậm trễ do nguyên nhân khách quan thì tổng số ngày chậm tiến độ Hợp đồng 12 là 27 ngày. Trong đó, Công ty P có lỗi khi thời gian hoàn thành chậm hơn so với tiến độ quy định tại Hợp đồng 12. Về chất lượng xây dựng có các lỗi như sau:

- Sàn bê tông tầng 9 bị nứt;

- Không thực hiện nghĩa vụ đục bê tông phình chữa tại các vị trí được Nhà tư vấn giám sát và Chủ đầu tư yêu cầu.

- Không thực hiện nghĩa vụ lập các hồ sơ, tài liệu cần thiết theo quy định tại Điều 6, Điều 8 và Điều 23 của Hợp đồng nộp cho Công ty C để yêu cầu thành lập hội đồng nghiệm thu có đủ thành phần theo quy định của Hợp đồng tiến hành nghiệm thu công trình xây dựng. Do vậy, Công ty C không đủ cơ sở để thực hiện thanh toán hết giá trị xây dựng đã hoàn thành cho Công ty P được.

Công ty C đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện theo đơn khởi kiện của Công ty P và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty cổ phần T (CO) trình bày: Công ty CO là nhà tư vấn giám sát theo Hợp đồng ký ngày 10/5/2014 với chủ đầu tư là Công ty C. Công ty CO chưa nhận được hồ sơ của Công ty P. Về tranh chấp giữa Công ty P với Công ty C thì Công ty CO không có liên quan và không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ trình bày: Tại dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại – Văn phòng – Căn hộ D - Số X đường C, quận C, Hà Nội, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ là nhà thầu thiết kế không liên quan đến nhà thầu thi công là Công ty P. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ chưa được ký kết các văn bản nghiệm thu mà nhà thầu thi công là Công ty P thực hiện vì trong công tác quản lý xây dựng nếu không có thay đổi thiết kế thì để nghiệm thu từng phần chỉ cần có nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn giám sát, ban Quản lý dự án và chủ đầu tư.

Những người làm chứng trình bày:

Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H trình bày: Chủ đầu tư Công ty C và nhà thầu Công ty P có ký hai bản hợp đồng thi công đối với Trung tâm thương mại văn phòng căn hộ để bán và cho thuê D - Số X đường C, quận C, Hà Nội. Cụ thể:

- Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10 ngày 18/10/2012 về gói thầu thi công móng và tầng hầm.

- Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12 ngày 12/3/2014 về gói thầu thi công khối đế.

Việc thực hiện hai hợp đồng nêu trên giữa Chủ đầu tư Công ty C và nhà thầu Công ty P là độc lập và không liên quan gì đến hợp đồng giữa Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H và chủ đầu tư Công ty C. Vì nhà thầu Công ty cổ

phần Tập đoàn xây dựng H và chủ đầu tư Công ty C có ký hợp đồng số 08-10/2014/HĐGNT/CG-HBC ngày 15/10/2014 về thi công kết cấu chịu lực phần thân (Từ cốt + 47,40m đến hết mái + xây, trát toàn bộ công trình từ cốt -23.5m đến hết mái). Phần gói thầu do Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H thi công bắt đầu từ tầng 10 của hai tòa tháp A và B đối với Trung tâm thương mại văn phòng căn hộ để bán và cho thuê D Số X đường C, quận C, Hà Nội. Trước đó, Công ty P thi công phần bê tông cốt thép phần hầm và khối đế từ cos 0 lên đến hết tầng 9 cos+47,40m theo thỏa thuận của hai hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10 và 12 đã ký với Công ty C.

- Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H trực tiếp ký hợp đồng và chịu trách nhiệm thi công từ tầng 10 trở lên của công trình nêu trên sau khi ký biên bản bàn giao thép chờ tầng 9 của tòa nhà tháp A và tháp B vào ngày 16/10/2014 và ngày 17/10/2014 theo thỏa thuận hợp đồng đã ký với Công ty C. Phía Công ty P cũng đã bàn giao toàn bộ mặt bằng theo tài liệu, biên bản kèm theo để thi công nên giữa Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H không có vướng mắc, tranh chấp gì với Công ty P đối với phần công trình đã thi công từ tầng hầm đến cos 47,40m và cũng không có vướng mắc gì với Công ty C đối với phần công trình từ tầng 10 trở lên. Việc tiếp tục thi công từ tầng 10 trở lên là dựa theo thỏa thuận với Công ty C và biên bản bàn giao giữa các bên như đã trình bày ở trên không phụ thuộc vào việc có biên bản nghiệm thu hay không. Đối với phần thi công từ tầng hầm đến cos 47,40m (tầng 9) thì việc nghiệm thu là giữa chủ đầu tư Công ty C với nhà thầu Công ty P, công ty tư vấn thiết kế, công ty giám sát theo thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10 ngày 18/10/2012 về gói thầu thi công móng và tầng hầm và Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12 ngày 12/3/2014 về gói thầu thi công khối đế. Phần nghiệm thu nêu trên không liên quan đến Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H.

Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H xác nhận: Tại thời điểm nhận bàn giao mặt bằng thép chờ từ tầng hầm đến cos 47,40m (tầng 9) thì mặt bằng đã được bàn giao đúng đầy đủ. Phần thi công xây dựng từ tầng hầm đến cos 47,40m đã được thi công đầy đủ. Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H không có yêu cầu độc lập, không có yêu cầu giải quyết nội dung gì trong vụ kiện.

Công ty TNHH Đầu tư phát triển C và Công ty TNHH X trình bày:

Ngày 20/3/2017, Công ty C có ký với Công ty TNHH Đầu tư phát triển C hợp đồng số 2003 cung cấp vật tư và thi công chống thấm bể nước, bể phốt và bể xử lý nước thải của dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ cao cấp, để bán và cho thuê D” tại địa chỉ: Số X C, phường D, quận C, Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 15.390.074.700 đồng, thời hạn thi công là 550 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thời điểm ký hợp đồng, phần công trình là bể nước, bể

phốt và bể xử lý nước thải đã có sẵn, chỉ thực hiện việc cung cấp vật tư và thi công chống thấm.

Đến ngày 11/4/2017, Công ty TNHH Đầu tư phát triển C ký hợp đồng số 1104 với Công ty TNHH X cung cấp vật tư và thi công chống thấm bể nước, bể phốt và bể xử lý nước thải của dự án “Trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ cao cấp, để bán và cho thuê D” tại địa chỉ nêu trên. Giá trị hợp đồng là 14.011.217.000 đồng, thời hạn thi công là 500 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, toàn bộ các hạng mục công trình thi công theo nội dung đã ký tại hợp đồng 2003 ngày 20/3/2017 và hợp đồng 1104 ngày 11/4/2017 chưa thi công xong, chưa nghiệm thu và chưa quyết toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày, yêu cầu Công ty C:

1/ Thanh toán tổng số tiền 123.111.330.326 đồng tính đến ngày 22/10/2018 của Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10 ngày 18/10/2012 về gói thầu thi công móng và tầng hầm và Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12 ngày 12/3/2014 về gói thầu thi công khối đế. Cụ thể:

Đối với Hợp đồng 10:

- Giá trị hợp đồng gốc: 255.566.569.500 đồng
- Đã thanh toán: 203.106.294.695 đồng
- Giá trị gốc chưa thanh toán: 52.460.274.805 đồng
 - + Giá trị phải thanh toán đến 85% Hợp đồng: 14.125.289.380 đồng
 - + Giá trị được phép chậm trả 1 năm: 10% HĐ: 25.556.656.950 đồng
 - + Bảo hành 5% HĐ: 12.778.328.475 đồng
- Giá trị phát sinh: 3.913.360.875 đồng
- Lãi trên giá trị gốc chưa thanh toán: 16.327.293.952 đồng
 - + Lãi/Giá trị phải thanh toán đến 85% Hợp đồng: 5.548.336.270 đồng
 - + Lãi/Giá trị được phép chậm trả 1 năm: 10% HĐ: 7.738.415.688 đồng
 - + Lãi/Bảo hành 5% HĐ: 3.040.541.995 đồng
- Lãi trên Giá trị phát sinh: 1.471.627.398 đồng
 - + Lãi/Giá trị phải thanh toán đến 85% GT phát sinh: 1.306.574.702 đồng
 - + Lãi/Giá trị phát sinh được phép chậm trả 1 năm: 118.494.423 đồng
 - + Lãi/Bảo hành 5% GT phát sinh: 46.558.273 đồng

Đối với Hợp đồng 12:

- Giá trị hợp đồng gốc: 122.035.653.867 đồng
- Đã thanh toán: 87.139.500.000 đồng
- Giá trị gốc chưa thanh toán: 34.896.153.867 đồng

- + Giá trị phải thanh toán đến 85% Hợp đồng: 16.590.805.787 đồng
- + Giá trị được phép chậm trả 1 năm: 10% của Gtri HĐ: 12.203.565.386 đồng
- + Bảo hành 5% HĐ: 6.101.782.693 đồng
- Giá trị phát sinh: 3.551.749.698 đồng
- Lãi trên giá trị gốc chưa thanh toán: 9.385.380.339 đồng
 - + Lãi/Giá trị phải thanh toán đến 85% Hợp đồng: 5.444.966.096 đồng
 - + Lãi/Giá trị được phép chậm trả 1 năm: 10% HĐ: 2.903.779.874 đồng
 - + Lãi/Bảo hành 5% HĐ: 1.036.634.369 đồng
- Lãi trên Giá trị phát sinh: 1.105.489.392 đồng
 - + Lãi/Giá trị phải thanh toán đến 85% GT phát sinh: 990.806.800 đồng
 - + Lãi/Giá trị phát sinh được phép chậm trả 1 năm: 84.512.181 đồng
 - + Lãi/Bảo hành 5% GT phát sinh: 30.170.411 đồng

2/ Xác nhận thời điểm nghiệm thu, bàn giao đối với gói thầu Hợp đồng 10 ngày nghiệm thu bàn giao là 01/3/2014 và gói thầu Hợp đồng 12 ngày nghiệm thu bàn giao là 02/12/2014.

Bị đơn Công ty C vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Công ty P vì các lý do sau đây:

- Đối với Hợp đồng số 10-2012/HĐGNT/C-P ký ngày 18/10/2012, tổng giá trị Hợp đồng là: 255.566.569.500 đồng. Giá trị khối lượng đã được Chủ đầu tư thanh toán: 203.106.294.695 đồng. Giá trị còn lại chưa thanh toán 52.460.274.805. Đối với Hợp đồng số 12/03-2014/HĐGNT/C-P ký ngày 12/03/2014, tổng giá trị Hợp đồng là: 122.035.653.867 đồng. Giá trị khối lượng đã được Chủ đầu tư thanh toán: 87.139.500.000 đồng. Giá trị còn lại chưa thanh toán: 34.896.153.867 đồng. Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ theo quy định Hợp đồng nên Công ty C không có cơ sở để thực hiện nghĩa vụ thanh quyết toán giá trị khối lượng còn lại theo quy định của Hợp đồng, việc này kéo dài cho đến nay.

- Công ty P đã không tôn trọng các thỏa thuận Hợp đồng đã ký, cụ thể là: Vi phạm khoản 6.3, 6.4, Điều 6 của Hợp đồng. Không thực hiện nghĩa vụ nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình theo trình tự, thủ tục quy định tại Hợp đồng. Nay Công ty P yêu cầu xác nhận thời điểm nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình của Hợp đồng 10 và Hợp đồng 12 là ngày 01/3/2014 và ngày 02/12/2014 là không có cơ sở. Vì Công ty P không thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu thi công theo quy định tại các Điều 6, Điều 23 của Hợp đồng đã ký kết phù hợp với các quy định tại các Điều 24, 25, 26, 27 của Nghị định số 209/2004 ngày 16/12/2004 của Chính phủ và các Điều 20, 21, 22, 23 Thông tư số

10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Công ty P vi phạm Khoản 6.5, Điều 6 của Hợp đồng, không thực hiện trách nhiệm Nhà thầu hoàn thành các công việc còn tồn đọng theo Biên bản kiểm tra hiện trường khi chuẩn bị công tác nghiệm thu; Không sửa chữa, khắc phục các sai sót, hư hỏng của hạng mục theo yêu cầu của Chủ đầu tư và Nhà tư vấn giám sát. Không lập đủ Hồ sơ thanh toán hợp pháp theo quy định Hợp đồng có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Nhà tư vấn giám sát CO để Chủ đầu tư có cơ sở thanh quyết toán cho bị đơn. Vi phạm Điều 23 của Hợp đồng 12, không lập Hồ sơ quyết toán hạng mục công trình hợp pháp có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Nhà tư vấn giám sát CO nộp cho Chủ đầu tư để có cơ sở thanh quyết toán khối lượng xây dựng đã hoàn thành. Vi phạm nghiêm trọng Điều 19 của Hợp đồng 12. Không thực hiện nghĩa vụ bảo hành sửa chữa các hư hỏng, khuyết tật, tồn tại của hạng mục. Bị đơn đã đơn đốc bằng nhiều văn bản nhưng nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng. Hạng mục Móng +05 tầng hầm (theo hợp đồng 10) và Khối đế từ cos+0,00m đến cos 47,40m (theo hợp đồng 12) chưa tiến hành nghiệm thu, bàn giao theo quy định Hợp đồng và quy định của pháp luật. Nguyên đơn chưa nộp cho bị đơn Hồ sơ quyết toán hợp pháp theo quy định tại Điều 23 của Hợp đồng và các quy định của pháp luật về xây dựng. Bị đơn không có cơ sở để thanh toán giá trị khối lượng xây dựng đã hoàn thành cho nguyên đơn. Việc bị đơn chậm thanh toán giá trị khối lượng còn lại do lỗi nguyên đơn không nộp bản Quyết toán hạng mục. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiền lãi chậm thanh toán là không có cơ sở. Không có bản Quyết toán hạng mục hợp pháp (được Nhà tư vấn giám sát ký tên xác nhận, đóng dấu) thì cả nguyên đơn và bị đơn đều không biết giá trị khối lượng hoàn thành hạng mục chưa được thanh toán là bao nhiêu tiền. Tại đơn kiến nghị ngày 02/5/2018, bị đơn đã có nội dung trình bày căn cứ vào các quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân quận C có quyết định đình chỉ vụ án vì đơn khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện.

Yêu cầu nguyên đơn chịu phạt hợp đồng là 12% do chậm tiến độ với số tiền phạt là 45.312.266.804 đồng. Yêu cầu nguyên đơn phải giảm trừ giá trị theo số liệu tính toán của bị đơn nộp tại phiên tòa. Cụ thể:

Hợp đồng 10

- Giá trị hợp đồng gốc: 255.566.569.500 đồng
- Đã thanh toán: 203.106.294.695 đồng
- Nguyên đơn còn phải trả lại: 21.521.262.975 đồng

Hợp đồng 12

- Giá trị hợp đồng gốc: 122.035.653.867 đồng
- Đã thanh toán: 87.139.500.000 đồng

- Bị đơn còn phải trả lại: 12.880.389.840 đồng
Nhu vậy Nguyên đơn còn phải hoàn lại bị đơn: 8.640.873.135 đồng

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào Luật xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 48 ngày 07/5/2010 của Chính Phủ; Nghị định số 209 ngày 16/12/2004 của Chính Phủ; Nghị định số 49 ngày 18/4/2008 của Chính Phủ; Nghị định số 85 ngày 15/10/2009 của Chính Phủ; Nghị định số 15 ngày 06/2/2013 của Chính Phủ Thông tư số 10 ngày 25/7/2013 của Bộ Xây Dựng; Điều 30, 31, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty P về việc đòi Công ty C thanh toán trả tiền còn lại của Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P ngày 18/12/2010 và Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT ngày 12/03/2014.

[2] Công ty C có nghĩa vụ trách nhiệm thanh toán trả 87.356.428.672 đồng giá trị còn lại của Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P ngày 18/12/2010 và Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT ngày 12/03/2014 cho Công ty P. Cụ thể: Thanh toán trả 52.460.274.805 đồng giá trị còn lại của Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P ngày 18/12/2010 và thanh toán trả 34.896.153.867 đồng giá trị còn lại của Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT ngày 12/03/2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, **nguyên đơn là Công ty P kháng cáo** yêu cầu bị đơn phải thanh toán giá trị phát sinh, lãi trên giá trị gốc chưa thanh toán, lãi trên giá trị phát sinh của hợp đồng 10 và hợp đồng 12

Bị đơn là Công ty C kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm:

- Vi phạm nghiêm trọng tố tụng: Không giao quyết định xét xử cho bị đơn, ra quyết định tạm ngừng phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa vi phạm tố tụng, không tiến hành đầy đủ thủ tục đối chất hòa giải, bản án xác định lại tư cách đương sự mâu thuẫn với thông báo trước đó.

- Vi phạm nghiêm trọng nội dung: Bản án sơ thẩm nhận định là hợp đồng trọn gói, xác định thời điểm nghiệm thu bàn giao, nhận định về vai trò nghĩa vụ của tư vấn giám sát không phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và vi phạm luật xây dựng. Bản án sơ thẩm bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm. Bản án sơ thẩm tách phần đề nghị đòi trừ giá trị khối lượng công việc chưa hoàn thành và giá trị khối lượng sửa chữa, khắc phục các sai sót của hạng mục là không khách quan, toàn diện.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty P rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty P vẫn giữ nguyên quan điểm rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị đơn Công ty C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Nguyên đơn Công ty P rút toàn bộ nội dung kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội theo hướng chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn về cách tuyên và sửa án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

-Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Công ty P và Công ty C phát sinh từ hợp đồng xây dựng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10 ngày 18/10/2012 và số 12 ngày 12/3/2014 về việc (xây dựng) thi công phần móng tầng hầm và khối đế (9 tầng) của Tòa nhà D được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp hợp đồng giao nhận thầu khoán xây dựng là đúng pháp luật.

-Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói giữa nguyên đơn là Công ty P với bị đơn là Công ty C có địa chỉ tại X, đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

-Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu rút toàn bộ nội dung kháng cáo trong đơn ngày 13/6/2020. Xét việc rút đơn kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn

[2.1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm theo đúng quy định. Bị đơn đã được thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử và người đại diện theo pháp luật cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên quyền lợi của bị đơn được đảm bảo theo đúng Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc Tòa án tạm ngừng phiên tòa và ra thông báo về việc đưa người tham gia tố tụng từ đầu sau đó quyết định đưa vụ án ra xét xử, hoãn phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các thủ tục tố tụng như đối chất, hòa giải giữa các đương sự trong vụ án, bị đơn cho rằng sau khi đưa thêm người tham gia tố tụng và xác định họ có tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có sự mâu thuẫn trong lời khai của đương sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục đối

chất giữa các đương sự trong vụ án trước khi đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Điều 100 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, người làm chứng Thẩm phán tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng hoặc giữa người làm chứng với nhau”. Trong hồ sơ đã thể hiện có biên bản đối chất ngày 17/5/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn, biên bản hòa giải ngày 08/5/2018 và 23/5/2018, còn việc đối chất giữa những người tham gia tố tụng khác cần phải theo yêu cầu của đương sự. Trong vụ án này, các đương sự không có yêu cầu đối chất và Thẩm phán thấy không cần thiết phải đối chất nên Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với việc xác định lại tư cách tham gia tố tụng: Theo thông báo số 01 ngày 02/8/2018 Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H cùng Công ty cổ phần T (CO) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bản án sơ thẩm xác định Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H là người làm chứng. Xét Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, nên án sơ thẩm xác định Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H là người làm chứng là đúng pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

Ngày 18/12/2012 Công ty C và Công ty P ký hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P về gói thầu thi công móng và tầng hầm công trình Trung tâm thương mại – Văn phòng căn hộ cao cấp tại X, đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội và phụ lục số 01 Bảng đơn giá chi tiết. Tổng giá trị hợp đồng là 255.566.569.500 đồng. Thời gian thực hiện 480 ngày kể từ ngày 15/9/2012. Sau khi ký hợp đồng nhà thầu tiến hành thi công đến ngày 01/3/2014 các bên gồm đại diện Công ty C, đại diện Công ty P và đại diện Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Đ tiến hành họp chuẩn bị bàn giao gói thầu hầm móng xác nhận khối lượng và chất lượng các công tác đã thực hiện của gói thầu và kết luận: “Các công tác chính đã được thi công xong khối lượng, đạt tiến độ nhà thầu đệ trình là 01/3/2014. Các tồn tại (như vết nứt sàn, vết nứt bể, rãnh thoát nước chân tường vây, bề mặt kết cấu, hình thức thẩm mỹ) cần được sửa chữa, khắc phục. Công tác bảo dưỡng, chống nứt thấm và thử nước của bể nước được tách riêng tiến độ bàn giao”.

Trong thời gian thi công hai bên xác nhận chủ đầu tư đã trả cho nhà thầu 203.106.294.695 đồng, còn lại 52.460.274.805 đồng chưa thanh toán.

Sau khi thực hiện xong hợp đồng số 10, ngày 12/3/2014 Công ty P và Công ty C ký tiếp hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT về gói thầu thi công khối đế và ngày 15/3/2014 hai bên ký tiếp

phụ lục hợp đồng số 02 để triển khai việc thi công 9 tầng khối để có độ cao từ cos 0,00 m đến cos 47,40 m lên trên hạng mục công trình của hợp đồng số 10. Giá trị của hợp đồng là 160.930.000.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng). Do thay đổi thiết kế của chủ đầu tư nên hai bên đã điều chỉnh giá trị hợp đồng xuống còn 122.035.653.867 đồng (bao gồm cả 10% thuế giá trị gia tăng). Thời gian thực hiện 167 ngày kể từ ngày 15/3/2014.

Ngày 16 và 17/4/2014 nhà thầu và chủ đầu tư ký biên bản bàn giao thép chờ tầng 9 tháp A, tháp B thuộc gói thầu của hợp đồng số 12, đồng thời tiến hành bàn giao mặt bằng thép chờ tầng 9 cos 47,40 m cả 2 tháp cho Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H để thi công phần thân của dự án lên trên phần đế mà Công ty P đã thi công xong.

Ngày 02/12/2014 Công ty P và Công ty C đã ký biên bản hợp, kiểm tra, đánh giá công trường về việc hoàn thành thi công hợp đồng 12 được các bên xác nhận “Các kết cấu chính bê tông, cốt thép cột, vách, dầm, sàn của gói thầu phần khối đế đã hoàn thành đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo hồ sơ thiết kế và tiêu chí kỹ thuật của dự án”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng số 12, hai bên xác nhận chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu 87.139.500.000 đồng, còn lại 34.896.153.867 đồng chưa thanh toán.

Sau khi thực hiện xong các hạng mục của 2 gói thầu, Công ty P đã gửi hồ sơ và công văn đề nghị Công ty C ký biên bản nghiệm thu và thanh toán nốt số tiền còn lại của 2 hợp đồng nhưng chủ đầu tư không ký và cũng không thanh toán số tiền còn thiếu với lý do nhà thầu chưa hoàn thành hồ sơ và những tồn tại như thấm bể nước, vết nứt sàn, thi công cầu thang bộ, rãnh thoát nước, vách V7-5 tầng 1 đến tầng 3... chưa được xử lý dứt điểm.

-Xét hợp đồng số 10 ngày 18/12/2012 và hợp đồng số 12 ngày 12/3/2014 và các phụ lục hợp đồng số 01, số 02 được ký kết giữa hai công ty, Hội đồng xét xử thấy ngay tên của hợp đồng đã được các bên xác định là: “Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói” và trong nội dung hợp đồng, các bên có thỏa thuận: “Khối lượng và giá trị quyết toán sẽ được chủ đầu tư và nhà tư vấn xem xét trên cơ sở khối lượng thực hiện của nhà thầu theo hồ sơ thiết kế và khối lượng trong phụ lục kèm theo của hợp đồng này. Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện đầy đủ khối lượng công việc theo hồ sơ thiết kế và theo các thỏa thuận của hợp đồng thì khối lượng và giá trị quyết toán sẽ bị giảm trừ tương ứng”.

Căn cứ Điều 8 của các hợp đồng đều xác định: Giá trị hợp đồng là khoán trọn gói đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Giá trị hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của hợp đồng.

Theo Điều 9 của Hợp đồng số 10: Giá trị hợp đồng chỉ được điều chỉnh bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng đã ký kết khi đó các bên sẽ lập và ký phụ lục hợp đồng.

Theo Điều 9 của Hợp đồng số 12: Giá trị hợp đồng chỉ được điều chỉnh bổ sung khi có thay đổi về thiết kế công trình làm thay đổi khối lượng công việc thi công tăng (giảm) cốt thép tròn, thép hình, bê tông, ván khuôn, cáp ứng lực, nhân công... hoặc bổ sung khối lượng ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết khi đó các bên sẽ lập và ký phụ lục hợp đồng.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn yêu cầu giảm trừ khối lượng, phạt hợp đồng do chậm tiến độ là yêu cầu phản tố nhưng những chứng cứ tài liệu do bị đơn xuất trình về việc ký hợp đồng thuê nhà thầu khác để sửa chữa đến nay vẫn chưa nghiệm thu, chưa quyết toán, thanh toán và yêu cầu này của bị đơn có sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là đúng pháp luật. Nếu bị đơn có yêu cầu thì sẽ được khởi kiện bằng một vụ án khác (Ngày 12/9/2019 Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội đã thụ lý giải quyết yêu cầu này của Công ty C).

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán giá trị phát sinh, lãi trên giá trị gốc và lãi trên giá trị phát sinh với tổng số tiền là 35.754.901.654 đồng của cả hai hợp đồng số 10 và số 12. Án sơ thẩm nhận định do chưa đủ chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận, nhưng trong phần quyết định không tuyên về việc không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận này là không đúng, nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, cần sửa lại phần này của án sơ thẩm.

-Xét quá trình thực hiện các hợp đồng cho đến ngày 16 và 17/10/2014, các bên gồm chủ đầu tư và nhà thầu ký biên bản bàn giao thép chờ tầng 9 tháp A và tháp B của gói thầu, đồng thời tiến hành bàn giao mặt bằng thép chờ tầng 9 cos 47,4 m tháp A, tháp B cho Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H xây dựng, thi công phần thân của dự án lên trên phần công trình của hợp đồng 12. Đến ngày 05/11/2014 các bên ký biên bản về việc giải quyết các vấn đề tồn tại, trong đó nhà thầu yêu cầu chủ đầu tư thanh toán từng hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành và đã được chủ đầu tư đồng ý, tuy nhiên hai bên chưa thống nhất về tiến độ và khối lượng công việc. Và đến ngày 02/12/2014 hai bên ký biên bản họp, kiểm tra đánh giá công trường về việc hoàn thành thi công gói thầu hợp đồng 12, theo đó các bên xác nhận: “Các cấu kiện chính bê tông cốt thép cột, vách, dầm, sàn của gói thầu phần khối đế đã hoàn thành đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật chất

lượng theo hồ sơ thiết kế và tiêu chí kỹ thuật của dự án; Đã hoàn thành công tác đổ bê tông sàn tầng 9 ngày 26/9/2014; tiếp tục triển khai dứt điểm các công việc còn tồn tại và hoàn chỉnh công tác hồ sơ theo quy định”.

Như vậy những hạng mục công trình mà nguyên đơn đã thi công theo hai hợp đồng đã hoàn thành và bàn giao cho bị đơn cũng như bàn giao cho Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H là nhà thầu thi công tiếp theo của tòa nhà. Cả ba bên cũng xác nhận công trình đã hoàn thành đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật chất lượng theo hồ sơ thiết kế và tiêu chí kỹ thuật của dự án để Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H thi công những hạng mục tiếp theo. Mặt khác, tòa nhà đã được chủ đầu tư đưa vào sử dụng từ năm 2018 đến nay không có bất kỳ khiếu nại gì về chất lượng công trình, nên từ đó khẳng định các hạng mục công trình do nguyên đơn thi công đúng với nội dung của các hợp đồng số 10 và số 12 và các phụ lục hợp đồng phù hợp với các biên bản ngày 01/3/2014 và ngày 02/12/2014.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận nguyên đơn đã chuyển hồ sơ để chủ đầu tư ký nghiệm thu chính thức và thanh quyết toán, nhưng phía chủ đầu tư không ký với lý do chưa thống nhất về khối lượng giảm trừ trong các hợp đồng và chưa được tư vấn giám sát ký. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi bàn giao mặt bằng thép chờ tầng 9 tháp A, tháp B cho Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng H xây dựng tiếp theo, chủ đầu tư chỉ tiếp nhận công trình xây dựng nhưng không tổ chức nghiệm thu khiến nhà thầu không có hồ sơ để thanh quyết toán là vi phạm khoản 4 Điều 80 Luật xây dựng năm 2003: “Chủ đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, tiếp nhận công trình xây dựng. Người tham gia nghiệm thu, bàn giao công trình phải chịu trách nhiệm cá nhân về sản phẩm do mình xác nhận trong quá trình thi công xây dựng công trình và bàn giao công trình xây dựng”, nên bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa cung cấp đủ hồ sơ để thanh quyết toán là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 388; Điều 389; Điều 402 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Luật xây dựng năm 2003

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty P

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty C.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty P về việc đòi Công ty C thanh toán số tiền còn lại của Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P ngày 18/12/2010 và Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT ngày 12/03/2014.

2. Công ty C phải thanh toán cho Công ty P tổng số tiền là **87.356.428.672 đồng**. Trong đó: 52.460.274.805 đồng theo Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 10-2012/HĐGNT/C-P ngày 18/12/2010 và 34.896.153.867 đồng theo Hợp đồng giao nhận thầu khoán trọn gói số 12/03-2014/HĐGNT ngày 12/03/2014.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán giá trị phát sinh, lãi trên giá trị gốc và lãi trên giá trị phát sinh với tổng số tiền là 35.754.901.654 đồng của cả hai hợp đồng số 10 và số 12.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về án phí sơ thẩm:

Công ty C phải nộp 195.356.428 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Công ty P phải nộp 143.754.901 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 111.209.792 đồng tiền tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai số 5554 ngày 14/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp tiếp 32.545.109 đồng

6. Về án phí phúc thẩm:

Công ty P phải chịu 1.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số 6461 ngày 13/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội, nên được trả lại 1.000.000 đồng.

Trả lại Công ty C số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số 6468 ngày 15/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- CCTHADS quận C, tp Hà Nội;
- TAND quận C, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn